



BÁO CÁO KINH TẾ

số tháng 7/2022



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 6/2022	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	1
2. Dự báo tăng trưởng	5
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	7
1. Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 6/2022	7
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	7
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	7
1.1.2. Xuất nhập khẩu	8
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	8
1.1.4. Hoạt động đầu tư	8
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	9
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	10
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	10
1.2.1. Lãi suất	10
1.2.3. Tỷ giá	11
1.2.4. Chứng Khoán	11
1.2.5. Lạm phát	11
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	12
2.1. Về chủ chương, chính sách	12
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	13
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG, DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO PVN	15
1. Thị trường dầu thô	15
2. Thị trường khí	20
3. Thị trường phân bón	23
4. Thị trường điện	27
5. Một số khuyến nghị chung cho PVN	29
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 6 năm 2022</i>	30



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 6/2022

1.1. Tổng quan chung

Tình hình kinh tế - chính trị thế giới, khu vực đã và đang chịu nhiều biến động và tiềm ẩn rất phức tạp, khó lường như: xung đột vũ trang; giá xăng dầu, nguyên vật liệu tăng cao; lạm phát cao đi kèm điều chỉnh chính sách tiền tệ khác nhau ở nhiều nước; gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu; nhu cầu tiêu dùng sụt giảm ở một số nền kinh tế lớn; nguy cơ khủng hoảng an ninh năng lượng, lương thực, suy thoái kinh tế ở một số quốc gia.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ *Kinh tế Mỹ*

Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, đang phải đối mặt với mức lạm phát cao kỷ lục khi đang phục hồi sau đại dịch COVID-19. Ở thời điểm hiện tại, nền kinh tế Mỹ vẫn đang tăng trưởng, nhưng đã có một số dấu hiệu cho thấy tăng trưởng giảm tốc.

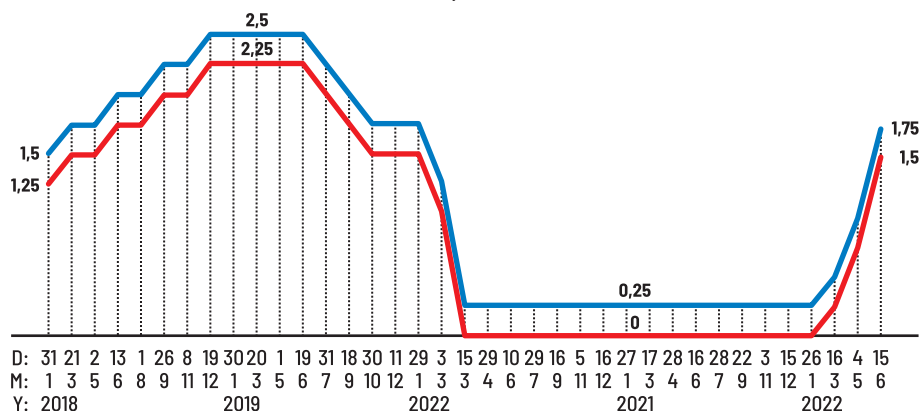
Các hoạt động kinh tế của Mỹ đã mất đà tăng trong 6 tháng đầu năm 2022 dưới tác động của làn sóng Covid-19 do biến thể Omicron gây ra, các điều kiện tài chính thắt chặt hơn và những tác động kinh tế từ xung đột giữa Nga và Ukraine.

Chính sách tiền tệ thắt chặt của Hoa Kỳ sẽ làm tăng mạnh chi phí đi vay đồng thời tác động tiêu cực đến các nền kinh đang phát triển và kém phát triển, làm chậm triển vọng tăng trưởng và tăng nguy cơ đối với phát triển bền vững ở những quốc gia này.

Việc chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy nghiêm trọng hơn dự đoán và cuộc chiến Nga - Ukraine, đã khiến lạm phát tăng mạnh kỷ lục và có thể kéo dài. Sau khi đã tăng 0,5% vào đầu tháng 5, ngày 15/6, NHTW Mỹ (Fed) đã tiếp tục tăng thêm 0,75%.

NHỮNG LẦN ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT GẦN ĐÂY CỦA FED

Đơn vị tính: %



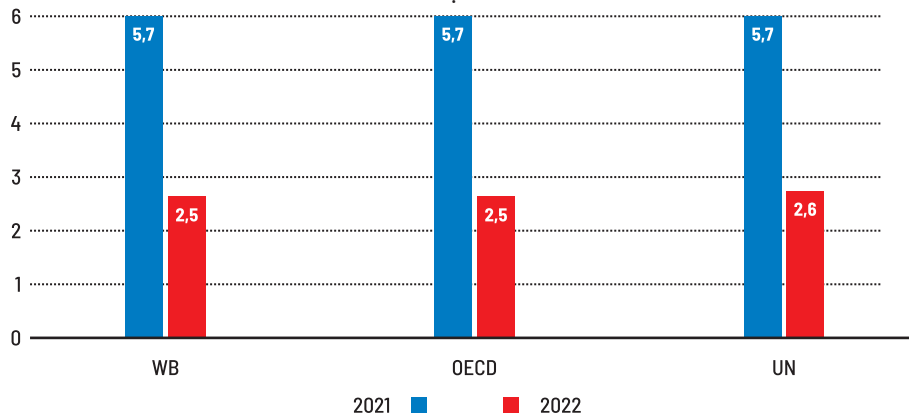
Nguồn: Fed

3 dấu hiệu cho thấy kinh tế Mỹ đang “đuối sức” so với giai đoạn phục hồi sôi động sau khi các hạn chế chống Covid được dỡ bỏ:

- **Dấu hiệu thứ nhất** đến từ thị trường việc làm: Khu vực phi nông nghiệp của Mỹ có thêm 390.000 công việc mới trong tháng 5. Con số này cao hơn dự báo, nhưng giảm so với 428.000 công việc mới của tháng 4 (Báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ).
- **Dấu hiệu thứ hai** đến từ thị trường bất động sản: Ngoài chi phí vay đã tăng vọt do Fed quyết định tăng lãi suất khiến các khách mua nhà tiềm năng rời bỏ thị trường, một phần lý do khiến hàng tồn dư tăng là nhiều chủ nhà quyết định bán nhà hơn. Nhu cầu của người mua nhà đã giảm 14% trong tuần thứ hai của tháng 6 so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là tuần giảm thứ 9 liên tiếp.
- **Dấu hiệu thứ ba:** theo báo cáo tóm tắt kinh tế (Beige Book) do Fed công bố tuần này, tất cả 12 quận ở Mỹ đều ghi nhận tăng trưởng, nhưng tác động tiêu cực từ chính sách thắt chặt của Fed ở các khu vực này ngày càng rõ rệt.

DỰ BÁO CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC VỀ TĂNG TRƯỞNG CỦA MỸ NĂM 2021 VÀ 2022

Đơn vị tính: %



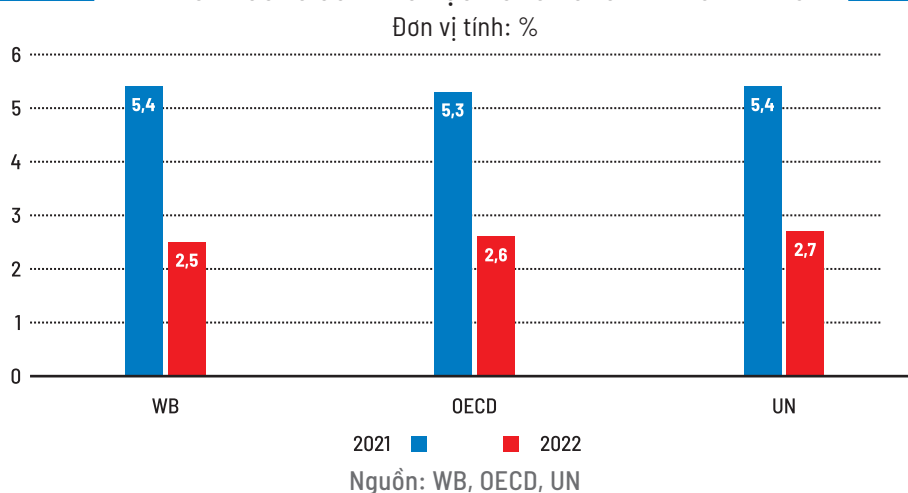
Nguồn: WB, OECD, UN

3 lo ngại đối với Mỹ trong bối cảnh vĩ mô hiện tại:

- **Thứ nhất**, lãi suất tăng sẽ làm suy yếu hoạt động vay tiêu dùng, từ đó ảnh hưởng đến thị trường nhà ở, thị trường xe ô tô, thị trường chứng khoán.
 - **Thứ hai**, tăng lãi suất không giải quyết được lạm phát do lãi suất hiện tại bắt nguồn từ cuộc xung đột địa chính trị tại Ukraine, từ đó dẫn đến nhiều hệ lụy. Bên cạnh đó, chuỗi cung ứng hàng hóa vẫn chưa hoàn toàn hồi phục sau đại dịch.
 - **Thứ ba**, nhiều dự báo cho thấy nền kinh tế Mỹ có thể đi vào suy thoái.
- **Kinh tế khu vực Eurozone**

Hoạt động kinh tế khu vực đồng Euro trong 6 tháng đầu năm 2022 giảm do tác động của xung đột giữa Nga và Ukraine cũng như tái bùng phát đại dịch Covid-19 trước đó. Các quốc gia thành viên chủ chốt của khu vực đồng Euro đặc biệt phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng từ Nga, trong đó nhập khẩu khí đốt chiếm khoảng 35% tổng lượng khí đốt nhập khẩu vào khu vực.

**DỰ BÁO CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC
VỀ TĂNG TRƯỞNG CỦA KHU VỰC ĐỒNG EURO NĂM 2021 VÀ 2022**

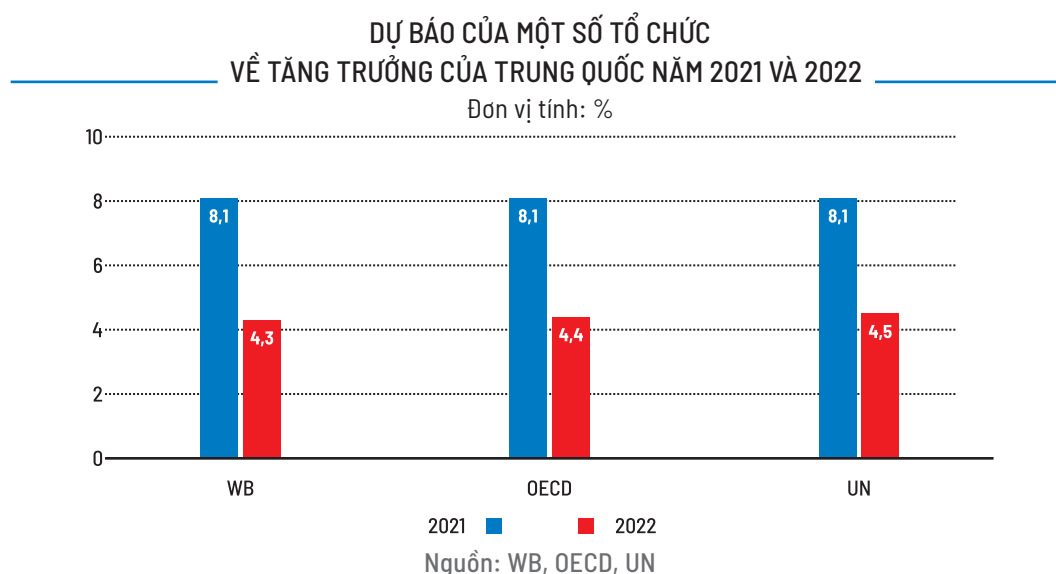


▪ Kinh tế Trung Quốc

Hoạt động kinh tế của Trung Quốc đã chậm lại đáng kể, chủ yếu do bùng phát đại dịch Covid-19 và áp dụng chính sách phong tỏa nghiêm ngặt, chi tiêu dùng giảm. Đầu tư thương mại và sản xuất đã mất đà do nguồn cung bị gián đoạn và tác động tiêu cực của xung đột ở Ukraine. Mặc dù đầu tư vào bất động sản trong những tháng đầu năm đã có dấu hiệu phục hồi, nhưng do những hạn chế liên quan đến đại dịch Covid-19 nên đã yếu đi.

Theo đó, WB dự báo nền kinh tế Trung Quốc sẽ tăng 4,3% trong năm 2022. WB đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng năm 2022 xuống 0,8 điểm phần trăm, phản ánh thiệt hại lớn hơn dự kiến từ đại dịch Covid-19 và chính sách phong tỏa nhằm khống chế đại dịch.

Giá hàng hóa cao hơn sẽ làm giảm thặng dư tài khoản vãng lai và đẩy lạm phát lên mức mục tiêu. Để giảm thiểu tác động của đại dịch kéo dài và các điều khoản thương mại ngày càng tồi tệ, sẽ cần nhiều hơn các hỗ trợ từ chính sách tài khóa, tiền tệ và điều tiết của chính phủ.



2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Nhiều tổ chức quốc tế đồng loạt hạ dự báo về tăng trưởng GDP toàn cầu trước diễn biến lạm phát tiếp tục phi mã.

Báo cáo Tình hình Kinh tế Thế giới và Triển vọng tính đến giữa năm 2022 của LHQ (UNDESA), tháng 6/2022 nêu rõ cuộc chiến ở Ukraine đã làm cản trở sự phục hồi mong manh của toàn cầu, gây ra cuộc khủng hoảng nhân đạo tàn khốc ở châu Âu, đẩy giá lương thực và hàng hóa lên cao, tăng trưởng chậm lại và làm trầm trọng thêm áp lực lạm phát trên toàn thế giới. Những bất ổn địa chính trị và kinh tế làm giảm niềm tin kinh doanh và đầu tư, đồng thời làm suy yếu thêm triển vọng kinh tế ngắn hạn. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế thế giới hiện được **dự báo sẽ chỉ tăng trưởng 3,1% vào năm 2022 và 2023** (điều chỉnh giảm đáng kể lần lượt là 0,9 và 0,4 điểm % so với dự báo đưa ra tháng 1/2022).

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI THEO QUÝ CỦA ING

(Tháng 6/2022 - Đơn vị tính: %)

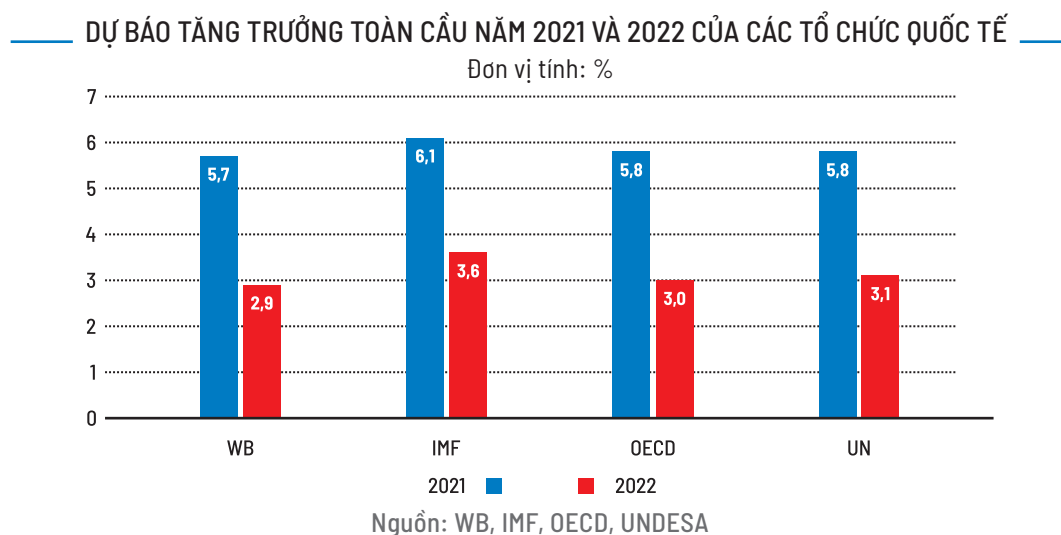
	Quý II	Quý III	Quý IV
THẾ GIỚI (USD)	2,5	2,4	2,2
Mỹ	3,0	3,1	1,9
Nhật Bản	0,7	1,9	1,1
Eurozone	2,7	0,9	0,8
Trung Quốc	-1,0	4,6	5,8
Đức	2,2	-1,4	0,9
Anh	2,6	2,2	1,2
Canada	4,9	4,4	3,4
Australia	3,3	6,1	3,3
Nga	-15,0	-18,0	-20,0
Ấn Độ	15,2	5,9	5,0
Indonesia	5,8	4,2	4,1
Hàn Quốc	2,7	3,1	2,5

Nguồn: UN/ING

Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu, ngày 7/6, Ngân hàng Thế giới (WB) đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu cho năm 2022, từ 4,1% xuống còn 2,9%.

Ngay sau dự báo của WB, ngày 8/6, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cảnh báo kinh tế thế giới sẽ phải chịu hậu quả nặng nề do ảnh hưởng của tình hình xung đột tại Ukraine đồng thời giảm dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 và nâng dự báo lạm phát.

Theo đó, tổ chức này dự báo *GDP toàn cầu sẽ tăng trưởng 3%* trong năm 2022, giảm mạnh so với mức 4,5% được đưa ra trong dự báo hồi tháng 12. Bên cạnh đó, OECD còn nâng gấp đôi mức dự báo lạm phát trong nhóm 38 nước thành viên lên 8,5%, đánh dấu mức cao nhất kể từ năm 1988.



OECD đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ từ mức 3,7% xuống 2,5% trong khi dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc cũng giảm từ 5,1% xuống 4,4%. Ngoài ra, nền kinh tế Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) cũng chỉ đạt mức tăng trưởng 2,6% thay vì 4,3% trong báo cáo đưa ra hồi tháng 12.

OECD cũng lo ngại đại dịch COVID-19 có thể chưa qua đi mà còn diễn biến xấu hơn. Nếu những biến thể nguy hiểm hơn, lây lan nhanh hơn xuất hiện, tiếp tục ảnh hưởng đến một số nền kinh tế lớn như Trung Quốc, sẽ tác động tiêu cực tới nhu cầu trên toàn thế giới và gián đoạn nguồn cung.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng dự kiến tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm nay vào tháng tới. Nếu thế thì đây sẽ là lần thứ 3 IMF hạ dự báo trong năm nay. Tháng 4 vừa qua, IMF đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu gần 1 điểm phần trăm, xuống 3,6% trong năm nay và năm sau.

Việc xung đột đang tiếp diễn ở Ukraine, giá cả hàng hóa không ổn định, giá lương thực và năng lượng neo ở mức cao và sự giảm tốc nghiêm trọng hơn dự báo của nền kinh tế Trung Quốc đã khiến IMF phải cắt giảm dự báo.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 6/2022

Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam tháng 6 năm 2022 tiếp tục có nhiều khởi sắc, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn trước những biến động lớn của tình hình khu vực thế giới, khu vực.

Bên cạnh đó, dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh đã trở lại trạng thái bình thường như trước khi xảy ra dịch Covid-19. Sự kiện SEA Games 31 được tổ chức thành công tại Việt Nam đã góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, du lịch, văn hóa sôi động hơn, tạo cú hích cho phục hồi kinh tế.

Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp cũng đang đối mặt với không ít khó khăn, ảnh hưởng đến phục hồi sản xuất, kinh doanh.

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Một số ngành đã có mức tăng cao hơn trước khi dịch Covid-19 xuất hiện như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; xuất khẩu hàng hóa... Trong đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II năm 2022 ước tính tăng 7,72% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý II các năm trong giai đoạn 2011-2021. Tính chung 6 tháng năm 2022, GDP tăng 6,42%, cao hơn tốc độ tăng 2,04% của 6 tháng đầu năm 2020 và tốc độ tăng 5,74% của 6 tháng đầu năm 2021.

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trong quý 2/2022 tăng trưởng khá do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì và đang dần phục hồi, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 9,87% so với cùng kỳ năm trước.

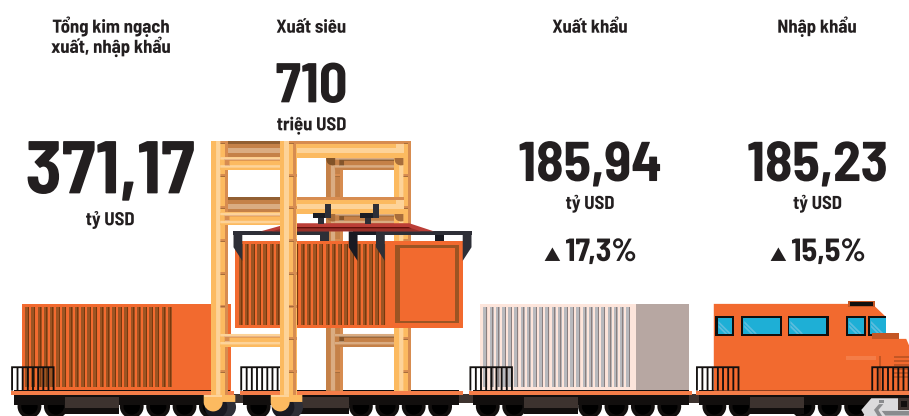
Tính chung 6 tháng năm 2022, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 8,48% so với cùng kỳ năm trước (quý 1 tăng 6,97%; quý 2 tăng 9,87%).

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 6/2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 65,02 tỷ USD, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 371,17 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,3%; nhập khẩu tăng 15,5%. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm ước tính xuất siêu 710 triệu USD.

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

So với tháng 5, số doanh nghiệp thành lập mới tháng 6 đã giảm 0,7% về số lượng doanh nghiệp thành lập mới, giảm 3,7% về số vốn đăng ký và giảm mạnh 13,8% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân mỗi doanh nghiệp thành lập mới trong tháng là 9,12 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 9,18 tỷ đồng vào tháng 5.

Tính chung 6 tháng đầu năm, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 76.233 doanh nghiệp, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2021. Đây là lần đầu tiên số doanh nghiệp thành lập mới trong giai đoạn 6 tháng đầu năm vượt mốc 70.000 doanh nghiệp và cũng là mức kỷ lục trong giai đoạn này.

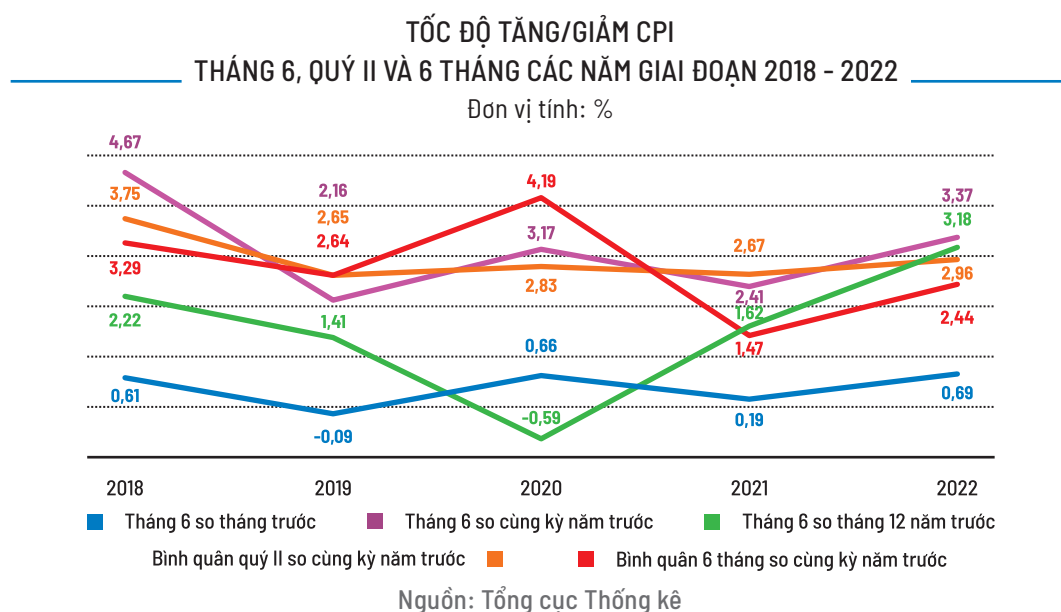
1.1.4. Hoạt động đầu tư

Về đầu tư phát triển, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm ước đạt 192,2 nghìn tỷ đồng, bằng 35,3% kế hoạch năm và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 bằng 34,8% và tăng 11,9%).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2022 ước tính đạt 10,06 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất của 6 tháng đầu năm trong 5 năm qua.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 tăng 0,69% so với tháng trước và tăng 3,37% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm, CPI tăng 2,44% so với cùng kỳ, lạm phát cơ bản tăng 1,25%.



NGUYÊN NHÂN CPI 6 THÁNG 2022 TĂNG



51,83% ↑

Giá xăng dầu trong nước
tăng so với cùng kỳ năm trước



7,95% ↑

Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở
tăng so với cùng kỳ năm trước



3,50% ↑

Giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình
tăng so với cùng kỳ năm trước



1,09% ↑

Giá gạo
tăng so với cùng kỳ năm trước

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Trong 6 tháng đầu năm, chính sách tín dụng, tiền tệ đã từng bước hòa nhập với bối cảnh bình hưởng mới, tập trung tạo điều kiện tăng tín dụng đầu tư vào các lĩnh vực của nền kinh tế. Bên cạnh đó, dịch bệnh đã giảm bớt và các doanh nghiệp đang khôi phục sản xuất kinh doanh tích cực, người dân cũng đang trở lại cuộc sống bình thường nên nhu cầu vốn lúc này tăng khá cao.

Tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm 2022 của nền kinh tế đã cho thấy sự hồi phục mạnh mẽ với tốc độ tăng 8,51%, gấp 2,8 lần so với cùng kỳ năm trước. Với mức tăng trưởng này, đã có hơn 880.000 tỷ đồng được bơm thêm ra thị trường trong 6 tháng đầu năm.

Về huy động, tính đến cùng thời điểm 20/6, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 3,97% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 3,13%); tổng phương tiện thanh toán tăng 3,3% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm 2021 tăng 3,48%).

1.2.1. Lãi suất

Tại một số ngân hàng, sau gần 6 tháng đầu năm đã có tới 4 đợt tăng lãi suất, mức tăng phổ biến trong khoảng 0,5-1,5 điểm % so với cuối năm 2021. Điều này đã khiến lãi suất tiền gửi tại nhiều ngân hàng vượt mức 7%/năm. Hiện có ít nhất 10 nhà băng trả lãi suất tiền gửi trên 7%/năm, trong đó, chủ yếu áp dụng với hình thức gửi online.

Lạm phát năm 2022 khó có thể giữ được mục tiêu ở mức 4%. Điều này đã phần nào tác động đến tâm lý người gửi tiền đó là tìm kiếm tài sản an toàn để trú ẩn lạm phát, nên đòi hỏi các ngân hàng phải nhanh chóng tăng lãi suất để thu hút dòng tiền.

Mặt khác, thanh khoản của hệ thống ngân hàng thường chịu áp lực do tăng trưởng tín dụng cao hơn so với tăng trưởng huy động vốn, dẫn đến sự cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại trong huy động vốn càng trở nên mạnh mẽ hơn để đáp ứng đủ nhu cầu vay vốn của nền kinh tế.

Trong điều kiện bình thường, khi lãi suất huy động tăng tất yếu sẽ tác động đến lãi suất cho vay nhưng trong bối cảnh hiện nay lãi suất cho vay khó có thể tăng do 2 nguyên nhân: Thứ nhất, Ngân hàng Nhà nước đang kiểm soát chặt chẽ lãi vay và Thứ hai, do áp lực cạnh tranh cho vay giữa các ngân hàng.

Ngoài ra, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách nhằm hỗ trợ lãi suất trong năm 2022-2023, nên lãi suất cho vay sẽ giảm xuống để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh. Như vậy, trong thời gian tới, lãi suất cho vay khó có thể tăng mặc dù lạm phát và chi phí huy động vốn đầu vào của các ngân hàng đang có xu hướng tăng lên.

1.2.3. Tỷ giá

Trước áp lực từ chính sách của Fed, nhiều đồng tiền đã đồng loạt mất giá mạnh với đồng USD, VND cũng không tránh khỏi xu thế, mặc dù có thể chậm hơn.

Tỷ giá USD/VND chính thức đã tăng khoảng 1,6% từ đầu năm. Đặc biệt, tỷ giá tăng mạnh trong tháng 6 (tháng Fed tăng lãi suất và đẩy giá trị của đồng bạc xanh lên).

Tỷ giá của tiền đồng tăng có lợi cho xuất khẩu, một trong những trụ cột quan trọng nhất của nền kinh tế. Thế nhưng, điều này cũng đồng nghĩa chi phí nhập khẩu cũng sẽ tăng lên, kéo theo đó là rủi ro nhập khẩu lạm phát. Vì thế, các vấn đề tỷ giá cũng cần được cân nhắc kỹ lưỡng.

1.2.4. Chứng Khoán

Thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng từ biến động của chứng khoán toàn cầu. Tính đến ngày 27/6/2022, chỉ số VNIndex đạt 1.202,82 điểm, giảm 7% so với cuối tháng trước và giảm 19,7% so với cuối năm 2021.

Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu tính đến ngày 15/6/2022 đạt 6.339 nghìn tỷ đồng, giảm 18,4% so với cuối năm 2021; giá trị giao dịch bình quân đạt 19.563 tỷ đồng/phiên, tăng 10% so với tháng trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 26.649 tỷ đồng/phiên, tăng 0,2% so với bình quân năm trước.

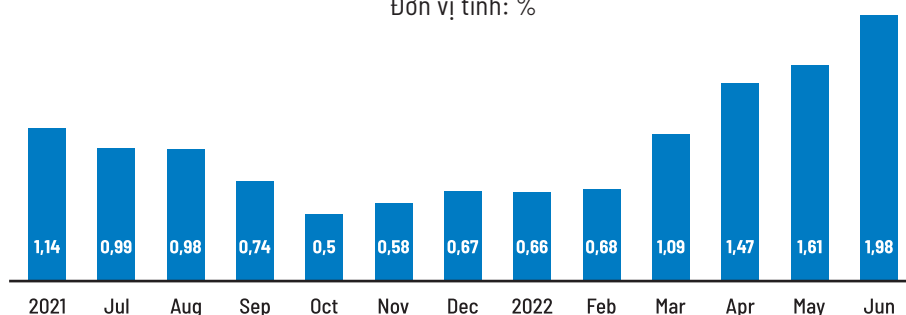
Trên thị trường trái phiếu, tính đến ngày 15/6/2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 7.718 tỷ đồng/phiên, giảm 0,9% so với tháng trước; tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 10.986 tỷ đồng/phiên, giảm 3,7% so với bình quân năm 2021.

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 6/2022 tăng 0,44% so với tháng trước, tăng 1,98% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 1,25% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2,44%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng dầu.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM LẠM PHÁT CƠ BẢN
THÁNG 6 NĂM 2022 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ chương, chính sách

▪ *Hàng loạt khoản phí, lệ phí được điều chỉnh mức thu*

Nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho những người dân và doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Bộ Tài chính đã ban hành *Thông tư 120/2021/TT-BTC* quy định về mức thu của một số khoản phí, lệ phí áp dụng từ ngày 1/1/2022 đến hết ngày 30/6/2022. Thông tư này đã tiếp tục bổ sung thêm 3 khoản phí, lệ phí vào danh mục các khoản phí, lệ phí được giảm, đồng thời gia hạn thời gian được giảm mức thu của 34 khoản phí khác, nâng tổng số khoản phí, lệ phí được giảm từ 34 lên 37.

▪ *Xóa bỏ hóa đơn giấy, chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử*

Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Thông tư 78/2021/TT-BTC hướng dẫn Nghị định này (cùng có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2022) đã quy định cụ thể lộ trình áp dụng hóa đơn điện tử như sau:

Trước ngày 1/7/2022: Chỉ bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử đối với các cơ sở kinh doanh được cơ quan thuế thông báo chuyển đổi sử dụng hóa đơn điện tử mà đã đáp ứng được điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin (theo Điều 60 Nghị định 123/2020/NĐ-CP).

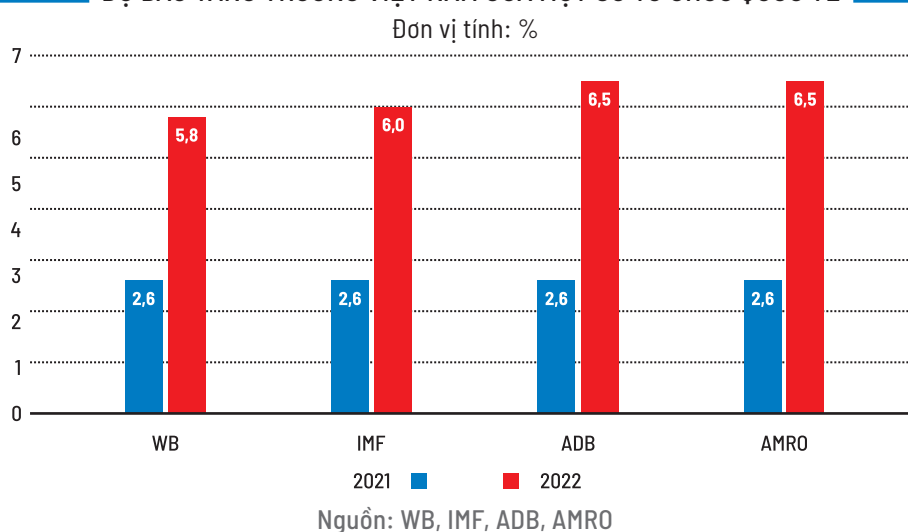
Từ 1/7/2022: Bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử, trừ một số trường hợp như doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn không thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, không có hệ thống phần mềm kế toán.

Trong Hội nghị về tình hình sản xuất kinh doanh và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2022 được tổ chức ngày 27/6, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng như các bộ, ngành cam kết đồng hành, hỗ trợ tối đa cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, làm sao nhanh chóng vượt qua khó khăn, nắm bắt được các cơ hội.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

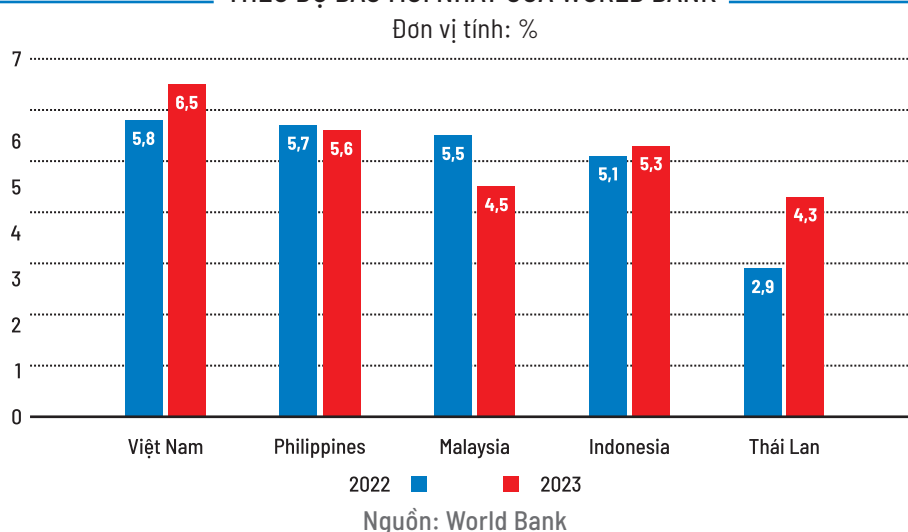
Trước những diễn biến phức tạp của cuộc xung đột Nga – Ukraine, các tổ chức nghiên cứu lớn trên thế giới như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)... đều có cái nhìn lạc quan về triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG VIỆT NAM CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ



Đơn cử, trong báo cáo cập nhật triển vọng kinh tế toàn cầu công bố ngày 7/6, World Bank (WB) dự báo kinh tế Việt Nam năm 2022, 2023 tăng trưởng lần lượt 5,8% và 6,5% - mức cao nhất trong các nước Philippines, Malaysia, Indonesia và Thái Lan.

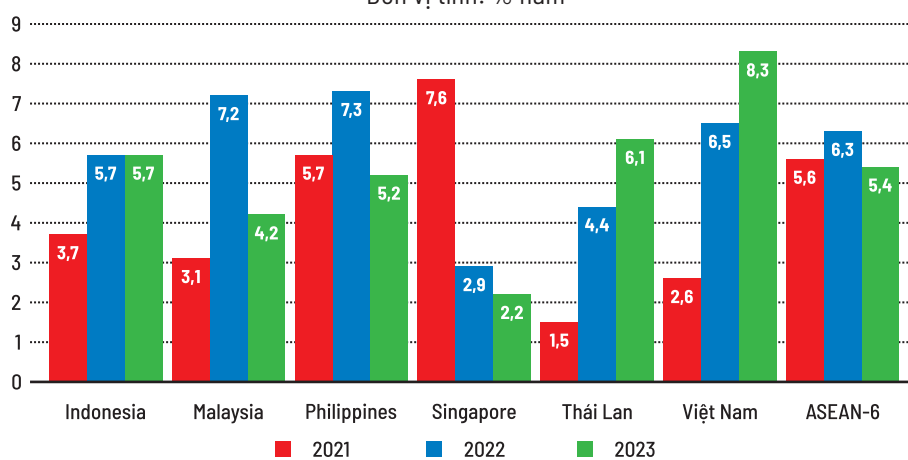
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM VÀ CÁC NỀN KINH TẾ KHÁC THEO DỰ BÁO MỚI NHẤT CỦA WORLD BANK



Tương tự, trong Báo cáo *Dự báo Kinh tế Toàn cầu mới nhất của ICAEW và Oxford Economics*, triển vọng phục hồi kinh tế Đông Nam Á sẽ không chắc chắn, do phải đối mặt với nhiều tác động tiêu cực từ bên ngoài khu vực. Tuy vậy, mức tăng trưởng trung bình của Đông Nam Á được kỳ vọng sẽ đạt khoảng 5,8% trong năm 2022. *Việt Nam được dự đoán là quốc gia có triển vọng tăng trưởng cao trong khu vực, ở mức trên 6,5% trong năm nay.*

DỰ BÁO KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á MỚI NHẤT CỦA ICAEW VÀ OXFORD ECONOMICS

Đơn vị tính: % năm



Nguồn: Oxford Economics



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG, DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO PVN



1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

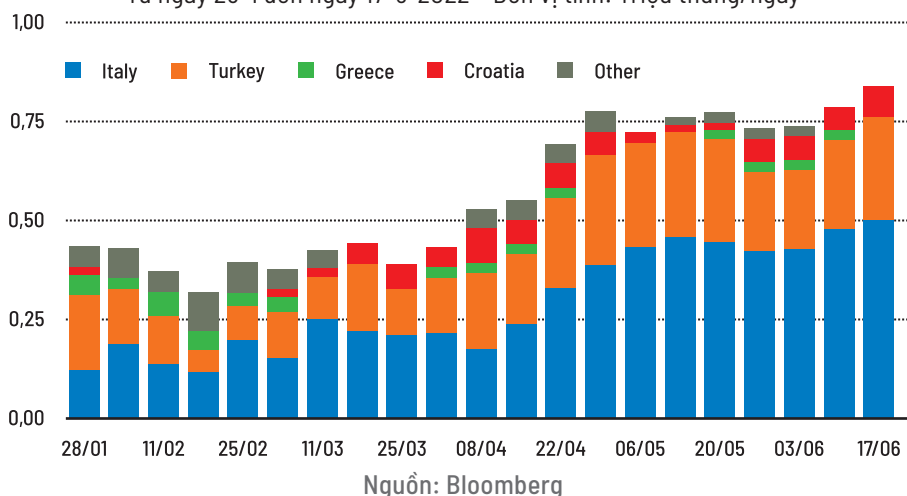
1.1. Về nguồn cung

Ngày 2/6, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đối tác (OPEC+) đã nhất trí tăng sản lượng khai thác dầu thô cao hơn dự kiến, nhằm xoa dịu phần nào nền kinh tế toàn cầu đang phải chịu đựng giá năng lượng tăng cao. Cụ thể OPEC sẽ tăng sản lượng lên **648.000 thùng/ngày** trong tháng 7 và tháng 8, cao hơn so với mức tăng hằng tháng trước đó là 432.000 thùng/ngày, trong bối cảnh giá “vàng đen” tăng và Liên minh châu Âu (EU) nhất trí cấm vận một phần dầu Nga.

Ngày 3/6/2022, EU chính thức thông qua gói trừng phạt thứ 6 cấm nhập khẩu dầu thô từ Nga vào EU trong 6 tháng tới và nhập khẩu dầu tinh chế trong 8 tháng tới. Các biện pháp trừng phạt mới sẽ cắt giảm khoảng 90% lượng dầu nhập khẩu từ Nga sang EU đến cuối năm nay. Tuy nhiên, bất chấp lệnh cấm từ Liên minh châu Âu (EU), lượng dầu nhập khẩu từ Nga vào châu Âu vẫn không ngừng tăng. Lệnh cấm tác động đến dầu thô Nga nhập khẩu qua đường biển nhưng không ảnh hưởng tới dầu thô nhập khẩu qua đường ống.

LƯỢNG DẦU THÔ NGA ĐỔ VÀO CÁC QUỐC GIA CHÂU ÂU

Từ ngày 28-1 đến ngày 17-6-2022 - Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Theo Bloomberg, Saudi Arabia, Kuwait, Oman và Iraq đang tăng cường năng lực lọc dầu, với tổng lượng bổ sung hơn 1 triệu thùng mỗi ngày. Nhờ lượng dầu bổ sung này, các nhà máy lọc dầu Trung Đông có thể xử lý khoảng 8,8 triệu thùng dầu thô/ngày trong năm tới. Mức tăng này gần bằng với lượng nhiên liệu Nga bị Liên minh châu Âu cấm vận bắt đầu từ cuối năm nay. Việc Trung Đông tăng công suất lọc dầu sẽ đủ để bù đắp lượng dầu Nga thiếu hụt khi lệnh cấm vận bắt đầu có hiệu lực.

1.2. Về nhu cầu

Nhu cầu tiêu thụ dầu phụ thuộc bởi các hoạt động sản xuất và vận tải, do đó phụ thuộc lớn vào triển vọng nền kinh tế thế giới, tuy nhiên, mới đây *IMF* đã hạ dự báo triển vọng kinh tế thế giới 2022 từ 4,1% xuống còn 3,6% cho năm 2022. Do đó, nhu cầu tiêu thụ dầu được *dự báo tăng trưởng chậm lại trong các quý tới trước bối cảnh nền kinh tế đang có những dấu hiệu chậm lại*.

Bên cạnh đó, việc Trung Quốc thực hiện tái phong tỏa tại các thành phố lớn như Thượng Hải có thể tác động tiêu cực tới nhu cầu tiêu thụ khi mà Trung Quốc là một trong những quốc gia tiêu thụ và nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới (chiếm 14 - 15% nhu cầu tiêu thụ toàn cầu).

Về phía *OPEC*, trong báo cáo tháng 6 của mình, *OPEC* đã *giữ nguyên ước tính tiêu thụ dầu là 100,29 triệu thùng*. *OPEC* nhấn mạnh sự phục hồi của nhu cầu tiêu thụ trong nửa cuối năm sẽ bù đắp lại sự sụt giảm mạnh mẽ của trong quý II do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tại Trung Quốc.

Trong khi đó, báo cáo Triển vọng Năng lượng Ngắn hạn (STEO), *EIA* lại *nâng ước tính tiêu thụ dầu toàn cầu trong năm 2022 lên 99,63 triệu thùng* từ mức 99,61 triệu thùng so với báo cáo tháng 5. Sản lượng dầu toàn cầu cũng được điều chỉnh tăng từ 99,89 triệu thùng lên 100,08 triệu thùng.

1.3. Về giá dầu

Từ đầu năm tới nay, giá dầu thô WTI đã tăng 53% lên 115,3 USD/thùng, còn giá dầu thô Brent cũng tăng đến 50% và chạm mốc 118,5 USD/thùng. Chỉ số MXV-Index Năng lượng, đo lường sự biến động của các mặt hàng trong nhóm, cũng tăng đến gần 70% lên mức 5.704 điểm.

Yếu tố chính dẫn dắt thị trường vẫn là những thông tin xoay quanh tình hình nguồn cung và nhu cầu tiêu thụ dầu trên toàn cầu. Các số liệu này thường được rất nhiều tổ chức theo dõi và đưa ra dự báo hàng tháng, tuy nhiên giá dầu thường phản ứng mạnh nhất với các báo cáo thuộc 3 tổ chức năng lượng lớn là Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA).

Theo ước tính của *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA)*, với các biện pháp trừng phạt hiện nay, xuất khẩu dầu của Nga có thể giảm 2,5 triệu thùng/ngày trong ngắn hạn, khoảng 30% lượng dầu xuất khẩu hiện hành của quốc gia này và 3% nguồn cung toàn cầu. Trong bối cảnh đó, giá năng lượng sẽ tăng 52% trong năm nay, cao hơn 47% so với dự báo trước đó. Dự báo, giá trung bình đối với dầu thô Brent sẽ vào khoảng 100 USD/thùng, cao hơn dự báo trước đó tới 24 USD/thùng. Giá dầu sẽ giảm nhẹ từ năm 2023, khi sản lượng dầu trên thế giới tăng dần. Tuy nhiên, giá dầu sẽ đứng ở mức rất cao so với dự báo trước đó và vượt mức giá trung bình trong 5 năm vừa qua.

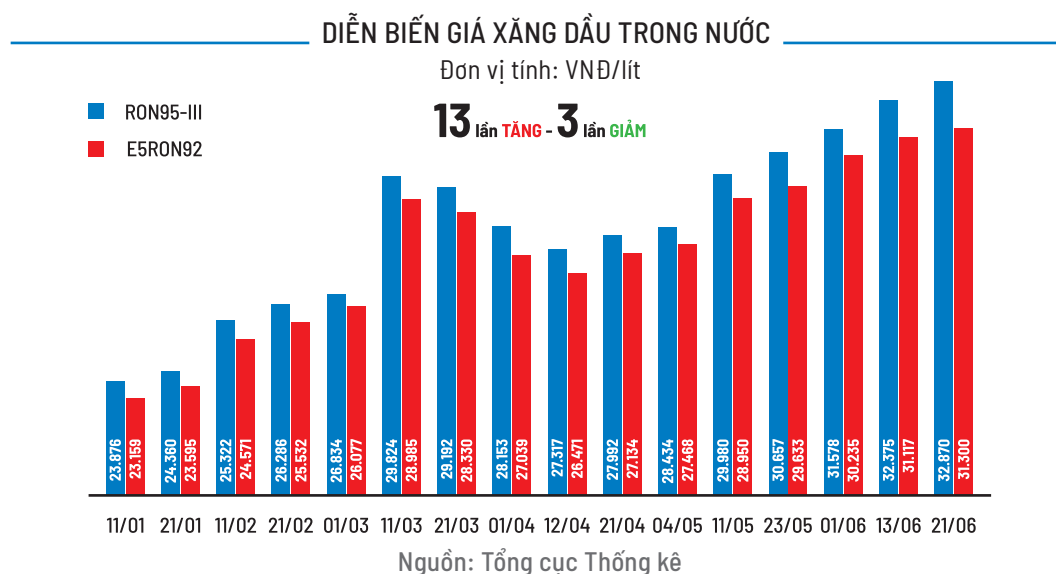
Trong khi đó, theo *dự báo của Cơ quan năng lượng Mỹ (EIA)* giá dầu có thể **hạ nhiệt dần về cuối năm**, tuy nhiên giá dầu được **dự báo vẫn sẽ neo ở mức cao với giá dầu trung bình cả năm 2022 dự báo đạt 107 USD/thùng** với dầu Brent, bởi nguồn cung từ Nga có thể tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi các lệnh trừng phạt và nguồn xả kho của IEA và Mỹ, cùng với chính sách thận trọng từ OPEC là không đủ để bù đắp thiếu hụt từ biến động nguồn cung từ Nga.

Công ty xếp hạng Fitch Ratings nâng **dự báo giá dầu Brent** bình quân năm 2022 từ 100 USD/thùng **lên 105 USD/thùng** và từ 80 USD/thùng lên 85 USD/thùng trong năm 2023 tới do nguồn cung bị gián đoạn, chuyển đổi logistic (do lệnh trừng phạt LB Nga từ phía Phương Tây) và nhu cầu tiêu thụ phục hồi sau Covid-19.

1.4. Trong nước

6 tháng đầu năm, Việt Nam đã đảm bảo đủ nguồn cung cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của người dân, mặc dù sản xuất trong nước, đặc biệt là ở nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn đang gặp khó khăn và việc nhập khẩu xăng dầu từ nước ngoài cũng không dễ.

Trong 6 tháng đầu năm, giá xăng dầu trong nước đã tăng lần thứ 7 liên tiếp và lập đỉnh vào ngày 21/6/2022.



Tại Việt Nam, cơ cấu dự trữ xăng dầu đến từ 3 nguồn: dự trữ trong sản xuất, dự trữ thương mại và dự trữ quốc gia.

Hiện nay, dự trữ sản xuất đến từ 2 nhà máy lọc dầu. Dự trữ thương mại nằm ở các thương nhân kinh doanh xăng dầu, doanh nghiệp đầu mối, thương nhân phân phối. Cuối cùng là nguồn dự trữ quốc gia. Hiện nguồn dự trữ quốc gia Việt Nam tương đối mỏng (khoảng 5-7 ngày sử dụng) do chúng ta hiện chưa có hệ thống kho riêng cho nên đang giao việc dự trữ này cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp đầu mối, để đảm bảo an ninh năng lượng, mức này không đủ.

Bộ Công Thương dự kiến tổng nhu cầu xăng dầu cho thị trường trong nước cả năm 2022 là khoảng 20,6 triệu m³, dự kiến nhu cầu mỗi quý khoảng 5,2 triệu m³. Trong quý 2, dự kiến nguồn cung khoảng 7,2 triệu m³ (gồm sản xuất trong nước là 3,2 triệu m³, nhập khẩu khoảng 2,5 triệu m³, tồn kho Quý trước chuyển sang là 1,5 triệu m³). Với nguồn cung như trên sẽ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của quý 2 và tồn kho gối đầu sang quý 3 khoảng 2 triệu m³.

Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam nhận định giá xăng dầu thời gian tới dự báo vẫn phụ thuộc diễn biến căng thẳng chính trị giữa Nga - Ukraine và chính sách cấm vận của Châu Âu với Nga. Giá xăng dầu có thể dao động 130 USD/thùng nhưng khó lên 150 USD như một số dự báo vì các nước sẽ có biện pháp ngăn chặn đà tăng của giá xăng dầu.

1.5. Khuyến nghị

Nguồn cung dầu khí, đặc biệt cho khu vực châu Âu bị ảnh hưởng từ việc cấm vận đối với các sản phẩm từ Nga, trong khi tồn kho dầu thô của Mỹ duy trì ở mức thấp. Trong khi đó, nhu cầu một số mặt hàng xăng dầu tăng khi đang vào mùa lái xe mùa hè tại nhiều nước châu Âu, Mỹ. Hai yếu tố đó đã đẩy giá mặt hàng xăng dầu tăng cao. Thực tế cho thấy, khi giá dầu tăng mạnh, những doanh nghiệp sản xuất xăng dầu được hưởng lợi đầu tiên như Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV OIL, mã chứng khoán OIL), Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR).

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp dầu khí khác như Tổng công ty cổ phần Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS), Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD), Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT)... cũng đạt kết quả kinh doanh khả quan.

Giá dầu duy trì mức cao sẽ chính là động lực với ngành dầu khí trong nước đặc biệt với các nhóm khai thác, thăm dò, phân phối và chế biến dầu khí. Tuy nhiên, cạnh tranh thị trường ngày càng trở nên khắc nghiệt hơn, để nâng cao, khẳng định vị thế, doanh nghiệp dầu khí cần:

- *Tập trung tăng sản lượng khai thác để đảm bảo nguồn cung thay vì trông chờ vào nhập khẩu.*
- *Bám sát biến động thị trường và tỷ giá để quản lý hiệu quả dòng tiền, đồng thời cập nhật, điều chỉnh trong phương án quản trị điều hành, lưu ý vấn đề cung-cầu, bất ổn về giá và làn sóng lạm phát.*
- *Xây dựng, hình thành chuỗi liên kết từ cung cấp nguyên liệu - sản xuất - tiêu thụ.*
- *Kiên quyết giữ mục tiêu tăng trưởng, mục tiêu sản lượng sản xuất, khai thác dầu, đa dạng hóa các sản phẩm chế biến để tận dụng cơ hội thị trường.*
- *Chủ động sẵn sàng ứng phó với xu hướng chuyển dịch năng lượng, đẩy mạnh chương trình nghiên cứu khoa học dài hạn trong từng lĩnh vực, đặc biệt coi CO2 là tài nguyên để tập trung nghiên cứu, tận dụng, đồng bộ với dịch chuyển năng lượng... nhằm bảo đảm phát triển ổn định, bền vững.*

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

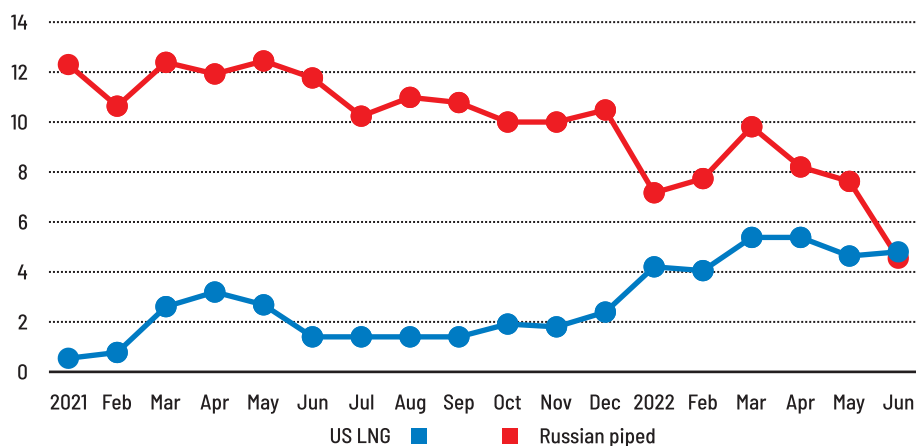
Thị trường thế giới/khu vực

Nguồn cung từ Nga thấp hơn đáng kể kể từ giữa tháng 6 và việc bảo trì định kỳ sắp tới tại Nord Stream sẽ tạm dừng hoàn toàn việc giao hàng qua đường ống trong hai tuần, đã khiến châu Âu phải tranh giành để lấp đầy các địa điểm lưu trữ khí đốt.

EU đã nhập khẩu khối lượng LNG kỷ lục của Mỹ trong những tháng gần đây.

EU NHẬP KHẨU LNG TỪ NGA GIẢM DẦN
VÀ TỶ TRỌNG NHẬP KHẨU TỪ MỸ ĐANG TĂNG LÊN

Đơn vị tính: bcm



Nguồn: IEA

Ở thị trường thế giới, giá gas có dấu hiệu ấm dần lên do nhu cầu tăng hậu Covid-19. Hiện, giá gas đang giao dịch ở mức 6,5 USD/mmBTU đối với hợp đồng khí gas tự nhiên giao tháng 8.

Giá khí đốt tại châu Âu, Anh tăng sau vụ nổ trạm xuất khẩu khí LNG của Mỹ, trong bối cảnh tỷ lệ nhập khẩu khí đốt của EU từ Nga giảm từ 45% vào tháng 4/2021 xuống 31% vào tháng 4 năm nay. Dù đề ra kế hoạch bổ sung lượng khí đốt dự trữ, lượng khí đốt của châu Âu hiện tại vẫn giảm.

Thị trường trong nước

Sản lượng khí tự nhiên giảm do suy kiệt các mỏ lâu năm.

Theo ước tính, nhu cầu LPG tại thị trường trong nước quý II/2022 chỉ đạt khoảng 560 - 575 ngàn tấn, xấp xỉ với quý I/2022 nhưng giảm tới gần 5% so với quý II/2021. Tổng nhu cầu LPG tại thị trường trong nước 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt khoảng 1,13 - 1,14 triệu tấn, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2021. Nhu cầu LPG 6 tháng đầu năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm 2021 do giá tăng cao nên hạn chế nhu cầu tiêu thụ ở cả lĩnh vực công nghiệp và dân dụng thương mại.

Một số dự án khí đã bắt đầu có những dấu hiệu tích cực hơn và sẽ sớm được khởi công trong thời gian tới.

2.2. Dự báo

Thị trường thế giới/khu vực

Việc thiếu nhu cầu xuất khẩu kết hợp với việc thiếu nhu cầu tiêu thụ về điện đã gây áp lực đáng kể lên giá khí đốt tự nhiên trên thị trường.

Châu Âu vẫn phải đối mặt với những khó khăn về nguồn cung vào mùa đông này nếu họ không thực hiện các biện pháp để bảo tồn năng lượng.

Người tiêu dùng châu Âu sẽ phải trả giá đắt hơn cho LNG (được nhập khẩu từ Mỹ) so với người dân Mỹ phải trả do chi phí vận chuyển và hóa lỏng/tái khí hóa.

Giá giao ngay ở châu Âu cao hơn so với châu Á sẽ thu hút các nhà cung cấp có điểm đến linh hoạt để vận chuyển LNG đến châu Âu.

Thị trường trong nước

Dự kiến nhu cầu cả năm 2022 chỉ tăng khoảng 2 - 3% so với năm 2021.

2.3. Khuyến nghị

Trong 6 tháng đầu năm 2022, bên cạnh thuận lợi do giá dầu, giá khí LPG tăng, các doanh nghiệp trên thị trường khí cũng gặp không ít thách thức, bao gồm: xung đột Nga - Ukraine, chính sách phòng chống dịch COVID-19 nghiêm ngặt của Trung Quốc gây gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng đến cung - cầu năng lượng và làm giá cả hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu tăng cao. Bên cạnh đó, các công tác liên quan đến phát triển các dự án mới, phê duyệt cước phí gặp nhiều khó khăn...

Trên cơ sở nhận định và dự báo tình hình, để hoàn thành tốt các chỉ tiêu trong thời gian tới, doanh nghiệp cần:

- *Tiếp tục nỗ lực đảm bảo hệ thống công trình khí hoạt động ổn định.*
- *Lên kế hoạch cân đối, điều độ linh hoạt, hợp lý sẵn sàng cấp khí ở lưu lượng cao khi được khách hàng huy động.*
- *Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bên từ thượng nguồn đến hạ nguồn trong vận hành, điều độ, đấu nối, bảo dưỡng sửa chữa nhằm tiêu thụ khí tối đa, rút ngắn thời gian dừng cấp/nhận khí của mỗi bên.*
- *Tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng ngoài điện để gia tăng sản lượng khí. Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư thông qua các hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên kết chuỗi.*
- *Tiếp tục kiểm soát tiến độ thực hiện, đảm bảo vốn cho các dự án quan trọng.*
- *Chủ động nắm bắt, phân tích thị trường để đánh giá và có hướng điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thị trường.*

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

Thị trường thế giới/khu vực

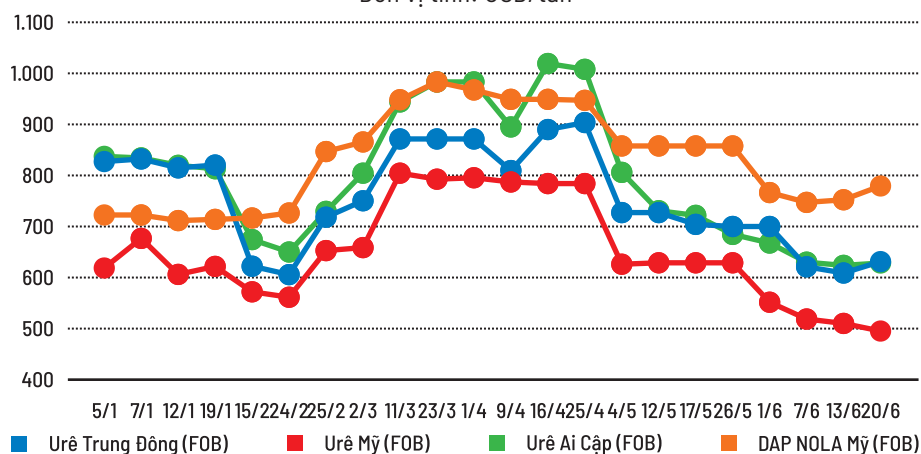
Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine diễn ra đã đẩy giá phân bón thế giới lên mức cao nhất mọi thời đại sau khi người mua sẵn sàng trả mức giá cao hơn để đảm bảo nguồn cung trong bối cảnh lo ngại sự thiếu hụt trên thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, thị trường sau đó rơi vào trạng thái trầm lắng do vụ mùa tại nhiều nước đã kết thúc.

Do thiếu vắng nhu cầu mua vào, giá phân bón Urê đã giảm mạnh từ 30-40% (tương đương 275 – 395 USD/tấn) so với mức đỉnh vào tháng 4 và về lại thời điểm trước khi cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine diễn ra.

Theo dữ liệu từ sàn giao dịch CME, giá Urê hạt đục tại Ai Cập giảm xuống còn 630 USD/tấn (FOB) từ mức đỉnh 1.025 USD/tấn. Giá Urê hạt đục tại Mỹ và Ai Cập dao động ở mức 496 - 630 USD/tấn (FOB), giảm mạnh so với mức đỉnh 805 – 1.025 USD/tấn (FOB) trước đó. Tương tự, giá DAP NOLA Mỹ cũng giảm 170 USD/tấn, trong khi giá UAN cũng giảm khoảng 58 USD/tấn.

GIA PHÂN BÓN URE VÀ DAP THẾ GIỚI
TRÊN SÀN GIAO DỊCH CME TỪ ĐẦU NĂM 2022 ĐẾN NAY

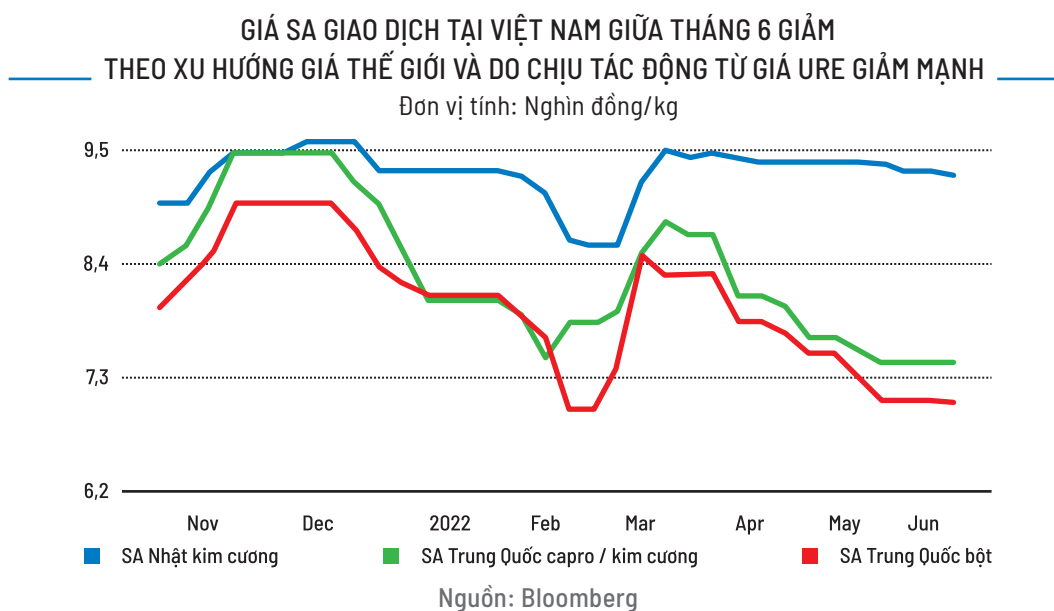
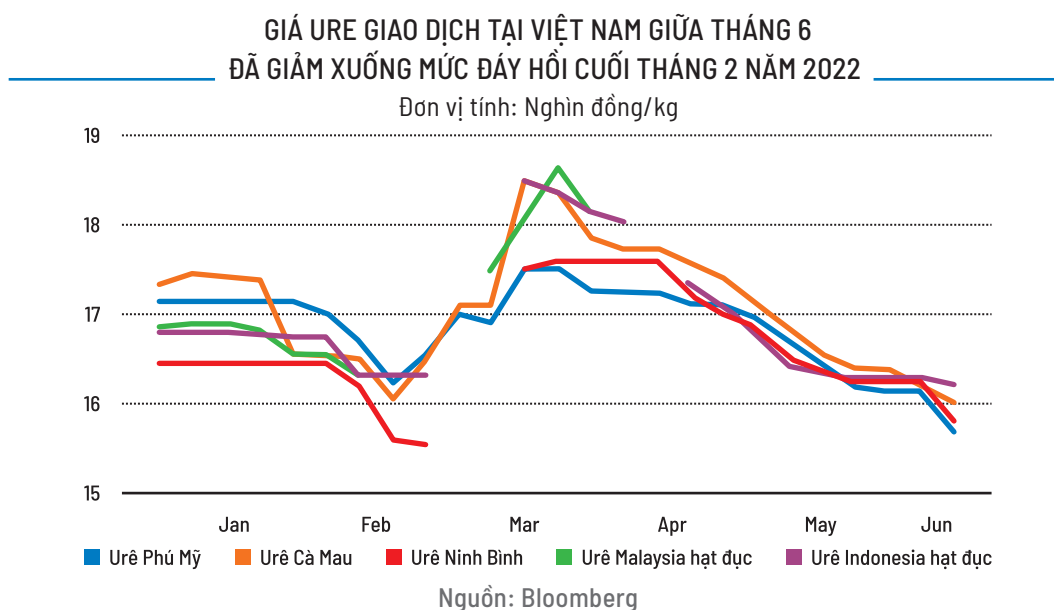
Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: CME

Thị trường trong nước

Tính đến giữa tháng 6, giá phân bón Urê trong nước dao động từ 15.800 – 16.300 đồng/kg, giảm 1.800 – 2.700 đồng/kg so với mức đỉnh đạt được vào tháng 3 năm nay. Tuy nhiên, giá các mặt hàng phân bón DAP, Kali và NPK vẫn ở mức cao.



Thực tế hiện nay các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước đang phải đối mặt với tình trạng nguyên liệu đầu vào tăng quá cao. So với thời điểm này năm ngoái, giá một số loại nguyên liệu đã tăng gấp đôi, thậm chí gấp ba lần.

Trong khi đó, một bất cập hiện nay là chính sách thuế xuất khẩu phân bón (áp thuế 5% đối với mặt hàng thuế xuất khẩu 5% đối với mặt hàng phân bón thuộc nhóm 31.02, 31.03, 31.04, 31.05 tại biểu thuế xuất khẩu, không phân biệt theo tỷ lệ tài nguyên khoáng sản trong sản phẩm phân bón). Và việc áp thuế này đánh thẳng vào nhóm phân bón NPK. Chính việc này đã khiến doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước bị giảm sức cạnh tranh trước các doanh nghiệp nước ngoài.

3.2. Dự báo

Thị trường thế giới/khu vực

Giá phân urê thế giới giảm mạnh vào thời điểm này là do Trung Quốc thay đổi chính sách cho phép xuất khẩu phân bón trở lại khi cao điểm mùa vụ tại Trung Quốc đã qua. Bên cạnh đó, Nga sau những tháng phát động chiến tranh với Ukraine, không xuất khẩu được phân bón sang châu Âu, nên tồn kho ngày càng tăng. Hiện Nga đang đẩy mạnh xuất khẩu phân bón sang thị trường Ấn Độ và Nam Mỹ với giá bán thấp hơn 30% mặt bằng giá thế giới. Do đó, giá phân bón hạ nhiệt hiện nay chỉ mang tính ngắn hạn. Về lâu dài, khó có thể khẳng định giá ure tiếp tục giảm sâu.

Bên cạnh đó, do giá thành sản xuất tại hầu hết các khu vực đều đã tăng so với 2021. Dự báo trong thời gian tới giá DAP, kali sẽ giảm mạnh còn giá urea sẽ ổn định xoay quanh mức giá 600\$/tấn FOB.

Bước sang năm 2023 nhu cầu phân bón toàn cầu được dự báo sẽ hồi phục nhẹ, ở mức từ 1,2% - 1,9%. Nguyên nhân chính là sau đại dịch, sản xuất nông nghiệp đã tăng trở lại. Ngoài ra, tình trạng thiếu hụt lương thực do xung đột Nga - Ukraine khiến nhiều quốc gia sẽ phải gia tăng diện tích canh tác để tự túc lương thực thay vì nhập khẩu như trước đây.

Thị trường trong nước

Ngành phân bón Việt Nam với công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm và giá thành hoàn toàn đủ khả năng cạnh tranh với các quốc gia khác. Bên cạnh đó năng lực sản xuất urea của 4 nhà máy tại Việt Nam hoàn toàn đáp ứng 100% nhu cầu nội địa và còn dư thừa khoảng 500 ngàn tấn để xuất khẩu. Đây chính là cơ hội cho các nhà máy sản xuất urea trong nước đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tối ưu công suất và tăng cường đóng góp cho ngân sách nhà nước từ nguồn thuế xuất khẩu.

Với tình hình diễn biến giá dầu thế giới vẫn ở mức cao và dự báo khó giảm trong những tháng cuối năm, giá phân bón hạ nhiệt hiện nay chỉ mang tính ngắn hạn.

Giá phân bón tăng cao trong khi giá nông sản không tăng tương ứng nên nông dân bỏ ruộng hoặc giảm bón phân nên nhu cầu giảm 30-40% so với bình thường.

3.3. KHUYẾN NGHỊ

Thực tế là để giảm giá thành sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước đều phải tối đa hóa công suất. Vì vậy, việc áp thuế xuất khẩu để giữ lại lượng phân bón trong bối cảnh thị trường trong nước dư cung sẽ gây thêm khó khăn cho doanh nghiệp

Dự báo trong thời gian tới ngành phân bón vẫn tiếp tục đối diện nhiều khó khăn, nhất là sự bất ổn về tình hình kinh tế thế giới, các vấn đề địa chính trị, thị trường trong và ngoài nước... do đó, các doanh nghiệp cần tận dụng tốt nguồn lực, thúc đẩy đầu tư cho mục tiêu phát triển bền vững:

- *Bức tranh toàn diện về kinh doanh với cạnh tranh không chỉ giới hạn ở các đối thủ cạnh tranh trực tiếp, mà còn chịu tác động của đối thủ tiềm năng, hàng hóa dịch vụ thay thế, hay từ chính các nhà cung cấp, khách hàng trong chuỗi giá trị. Do đó, cần Chú trọng tập trung vào tính đặc thù riêng biệt về giá trị mà hàng hóa của doanh nghiệp mang lại, hơn là cạnh tranh truyền thống về giá, thị phần. Cách làm này giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặc thù, đa dạng của nhóm khách hàng, từ đó đưa ra mức giá tốt, tăng lợi nhuận, cạnh tranh bằng đổi mới, sáng tạo, khuyến khích phát triển cả chiều rộng và chiều sâu của thị trường.*
- *Bám sát tình hình thị trường để có giải pháp điều hành sản xuất, kinh doanh phù hợp. Trong đó chú trọng quản trị chi phí để tiết giảm chi phí, chú trọng quản trị sản xuất để tối ưu quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng.*
- *Trong bối cảnh hiện nay, các DN sản xuất phân bón trong nước cần phát huy tối đa công suất và tìm mọi cách giảm chi phí, hạ giá thành, đặc biệt là giảm các đầu mối trung gian phân phối phân bón.*

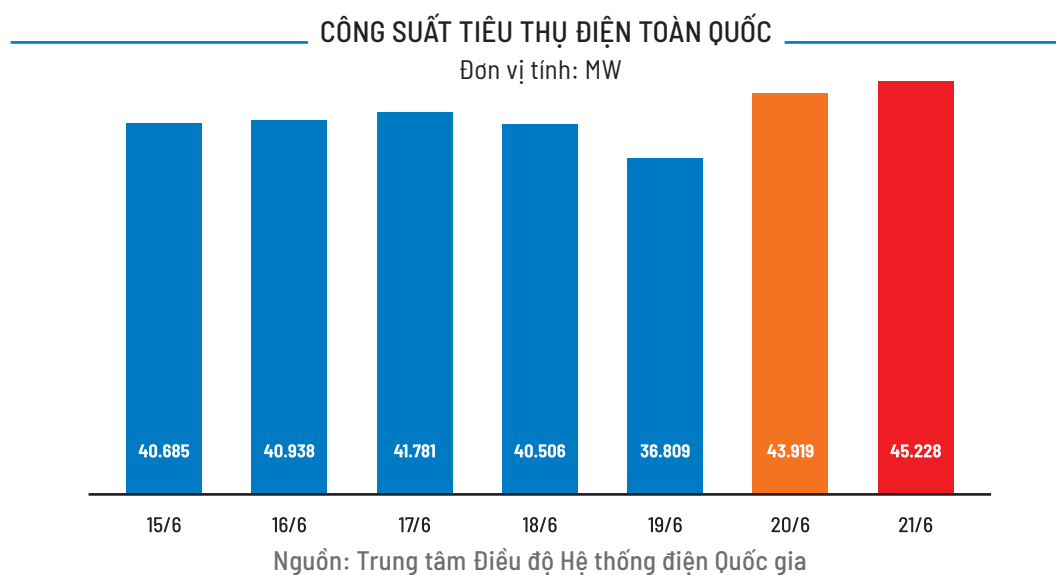
4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

Thị trường trong nước

Trong 6 tháng/2022, dự kiến sản lượng tiêu thụ điện bình quân toàn hệ thống ở mức 787,8 triệu kWh/ngày (thấp hơn 1,1% so với cùng kỳ), công suất phụ tải lớn nhất ước khoảng 45,684 MW.

Nắng nóng kéo dài làm tiêu thụ điện trong sinh hoạt tăng rất cao, phần lớn do sử dụng nhiều thiết bị làm mát như điều hòa nhiệt độ. Theo số liệu từ Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, vào trưa 21/6, công suất tiêu thụ điện toàn quốc lần đầu tiên vượt 45.000MW và thiết lập mức đỉnh kỷ lục mới với con số là 45.528MW. Bên cạnh đó, công suất tiêu thụ điện của riêng khu vực miền Bắc cũng đã lập mức kỷ lục mới, với công suất đỉnh của miền Bắc là 22.330MW vào trưa 21/6.



Ngày 21/6 cũng là lần đầu tiên sản lượng điện ngày toàn hệ thống điện quốc gia lần đầu tiên vượt 900 triệu với con số cụ thể là 909 triệu kWh, vượt xa mức đỉnh năm 2021 là 880 triệu kWh. Bên cạnh đó, sản lượng tiêu thụ điện của miền Bắc cũng lên mức đỉnh mới là 459 triệu kWh trong ngày này.

Mục tiêu vận hành hệ thống điện tháng 6/2022 là tiếp tục đảm bảo sản xuất, cung ứng điện phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và sinh hoạt của người dân.

4.2. Dự báo

Thị trường trong nước

Mảng điện khí tiếp tục gặp khó khăn do sản lượng điện huy động giảm sút.

Sản lượng mảng nhiệt điện khí, than có thể tiếp tục chịu sự cạnh tranh từ mảng điện tái tạo

Rủi ro tới từ khả năng kéo dài thời gian sửa chữa nhà máy Vũng Áng, tác động tiêu cực tới sản lượng điện thương phẩm trong 2022.

Từ quý II/2022 bắt đầu vào mùa phát điện của thủy điện cộng thêm mùa mưa năm 2022 đến sớm và được dự báo lượng mưa phổ biến trên cả nước sẽ cao hơn trung bình nhiều năm trước.

4.3. Khuyến nghị

- Có thể làm giảm chi phí hệ thống điện theo ít nhất 4 cách: giảm chi phí vận hành và bảo trì; nâng cao hiệu suất nhà máy điện và mạng lưới truyền tải; giảm thời gian ngừng hoạt động trong và ngoài kế hoạch; kéo dài thời gian hoạt động.
- Tập trung đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ quốc tế và khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.
- Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo các chuyên đề về chuyển đổi số, thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, dịch vụ khách hàng, đào tạo nâng cao công tác quản lý - vận hành, bảo trì- sửa chữa lưới điện và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

5. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHUNG CHO PVN

- Tập trung trong công tác quản trị, đặc biệt là quản trị rủi ro bất định và quản trị dòng tiền. Tiền mặt của PVN rất lớn, với lãi suất thấp như hiện nay thì thực sự gửi ngân hàng kém hiệu quả. Trong bối cảnh sắp tới, khi lãi suất được dự báo vẫn ở ngưỡng thấp thì vấn đề tài chính của PVN cần được xem xét lại.
- Chuẩn bị tái cấu trúc, chuyển hướng tương lai. Cụ thể, thoát khỏi sự tập trung vào dầu khí, đa dạng hóa sản phẩm, chuyển đổi sang các sản phẩm sử dụng năng lượng sạch, đa dạng hóa mô hình kinh doanh và cuối cùng là cổ phần hóa PVN với Chính phủ là cổ đông lớn và mở rộng quyền sở hữu cho các thành phần kinh tế tư nhân, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài. Nên xây dựng được lộ trình cụ thể cho quá trình chuyển đổi năng lượng cũng như cổ phần hóa. Do đó, đề xuất PVN nên trình Chính phủ một kế hoạch cổ phần hóa trong vòng 5-10 năm tới.
- Tỷ lệ đòn bẩy tài chính của PVN là rất thấp, thể hiện tính an toàn tài chính của PVN. Tuy nhiên, nếu việc đầu tư vào các công ty con không hiệu quả thì giá trị thực của các công ty con sẽ phải được điều chỉnh và từ đó giá trị thực của vốn chủ sở hữu của cả tập đoàn có khả năng giảm chỉ còn một nửa so với số liệu trên sổ sách. Điều này có thể dẫn đến tỷ lệ đòn bẩy tài chính tăng cao, cũng đồng nghĩa với rủi ro tài chính của PVN trên thực tế cao hơn nhiều so với giá trị sổ sách. Đề xuất PVN làm kế hoạch cho năm 2021 và những năm sau dựa trên sự thẩm định thực tế về hiệu quả kinh doanh hơn là chỉ dựa trên những BCTC.

BÁO CÁO KINH TẾ SỐ THÁNG 7/2022

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 6 NĂM 2022

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 6 2022	6 tháng 2022	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	
1	Tăng trưởng GDP		n/a	6,42%	-	-	-	
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	n/a	-	-	108,48	
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới							
	- Về số lượng	DN	13.300	76.200	99,25	117,3	113,6	
	- Về số vốn đăng ký	Tỷ VNĐ	121.100	882.100	96,3	73,7	93,6	
	- Về vốn đăng ký bình quân	Tỷ VNĐ	9,1	11,6	97,0	62,8	82,3	
	- Về số lao động đăng ký	Người	771.000	514.800	86,2	124,0	106,3	
3.2	Quay lại hoạt động	DN	2.300	40.700	43,3	46,3	155,6	
3.3	Rút lui khỏi thị trường							
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	5.129	50.900	103,3	132,6	143,0	
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	5.148	24.100	123,0	98,3	97,6	
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.687	8.600	126,0	87,9	86,46	
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội							
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Tỷ VNĐ	-	192.200	-	-	110,1	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	14,03	-	-	91,9	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	10,06	-	-	108,9	
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD	-	300,9	-	-	200,1	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ VNĐ	471,8	2.717	101,4	127,3	111,7	
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa							
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	32,65	185,94	105,6	-	117,3	
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	32,37	185,23	99,2	-	115,5	
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Nhập siêu 1,73	Xuất siêu 0,71	-	-	-	
7	Chỉ số giá				A	B	C	D
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,09	103,37	102,44	103,18
7.2	Chỉ số giá vàng				98,86	107,4	106,63	-
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,72	100,21	99,8	-
7.4	Lạm phát cơ bản				100,44	101,98	101,25	103,18

A: Tháng 6/2022 so với tháng trước


B: Tháng 6/2022 so với tháng 6/2021

C: 6 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

D: Tháng 6/2022 so với tháng 12/2021



Ảnh bìa: Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, đang phải đối mặt với mức lạm phát cao kỷ lục khi đang phục hồi sau đại dịch COVID-19.

 Pexels/ Karolina Grabowska

BÁO CÁO KINH TẾ

số tháng 7/2022

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC
THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Viện Nghiên cứu Chiến lược Thương hiệu và Cạnh tranh
và Phòng Phân tích - Dự báo, Ban Kinh tế Đầu tư, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
phối hợp thực hiện

Đại diện: Tiến sỹ **VÕ TRÍ THÀNH**

Tầng 3, nhà D - Nhà khách La Thành
218 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024 62 9191 37 - Email: info@bcsi.edu.vn
Website: ww.bcsi.edu.vn